

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG
LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÙNG TRỜI THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQP ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã TTHC	Thủ tục hành chính được thay thế	Thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.013275	Thủ tục mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước	Thủ tục phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh	Nghị định số 205/206/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
2	1.013278	Thủ tục đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước	Thủ tục phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
3	1.013279	Thủ tục mở bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, các tòa nhà, công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí	Thủ tục mở bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
4	1.013280	Thủ tục đóng bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, các tòa nhà, công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí	Thủ tục đóng bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu

TT	Mã TTHC	Thủ tục hành chính được thay thế	Thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	1.013281	Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu	Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
6	1.013282	Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu	Thủ đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
7	1.013283	Thủ tục đóng tạm thời sân bay chuyên dùng, bãi cát, hạ cánh	Thủ tục đóng tạm thời bãi bãi cát, hạ cánh	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
8	1.013284	Thủ tục mở lại sân bay chuyên dùng	Thủ tục mở lại bãi cát, hạ cánh	Nghị định số 205/2026/NĐ-CP	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu
9	1.013285	Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình	Thủ tục chấp thuận độ cao công trình	Nghị định số 222/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hoạt động bay	Quản lý vùng trời	Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh đến Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu).

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Quốc phòng có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Bộ Quốc phòng gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất của Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Quốc phòng.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng ra quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh; trường hợp không chấp thuận, Bộ Quốc phòng phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh theo Mẫu số I.01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thuyết minh xác định vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.

- Bản vẽ vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh tỷ lệ 1/2.000.

b) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Thời gian gửi lấy ý kiến: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Thời gian đóng góp ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng.

- Thời gian ra quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Quốc phòng.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh theo Mẫu số I.01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh theo Mẫu II.01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt theo Mẫu II.14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

- Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

*** Mẫu đơn, mẫu Quyết định và mẫu trả lời TTHC:**

a) Mẫu đơn đề nghị Phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

Mẫu số I.01

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

Kính gửi: Bộ Quốc phòng.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung sau:

1. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết, cơ sở hình thành
2. Yêu cầu về hoạt động của cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.
3. Loại hình, vai trò, vị trí, quy mô.
4. Dự báo các đường bay dự kiến khai thác; nhu cầu sử dụng đất, mặt nước; ước toán chi phí đầu tư.
5. Các bản vẽ vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh tỷ lệ 1/2000.

(Kèm theo thuyết minh, bản vẽ vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh)

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

b) Mẫu Quyết định phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

Mẫu số II.01

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ;

Căn cứ;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung sau:

1. Loại hình:

2. Vai trò.....

3. Vị trí.....

4. Quy mô.....

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-

-

BỘ TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày tháng năm ...

Kính gửi:.....⁽³⁾

.....⁽¹⁾ nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của⁽³⁾
..... kèm theo hồ sơ về việc⁽²⁾

Căn cứ các quy định tại⁽⁴⁾

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....⁽¹⁾ có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp
thuận...; ⁽⁵⁾, cụ thể như sau:

.....⁽⁶⁾

.....⁽¹⁾ thông báo đề⁽³⁾ được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

-

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký
điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

2. Thủ tục phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 hồ sơ đề nghị phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản lấy ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh về thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến thống nhất của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh, Bộ Tổng Tham mưu quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh; trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh theo Mẫu số I.02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử thuyết minh, bản vẽ thiết kế cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.

b) Số lượng: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời gian gửi văn bản trả lời: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu.

- Thời gian quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến thống nhất của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tổng Tham mưu.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, các bộ, ngành liên quan.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh;

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Đơn đề nghị phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh theo Mẫu I.02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh theo Mẫu số II.02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt theo Mẫu số II.14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.

- Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

*** Mẫu đơn, Mẫu Quyết định và mẫu trả lời TTHC:**

a) Mẫu Đơn đề nghị phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

Mẫu số I.02

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung sau:

1. Nhu cầu sử dụng đất, khu vực mặt nước để làm cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
2. Vị trí, tọa độ địa lý của cảng hàng không chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước, bố trí hệ thống các công trình phụ trợ của cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
3. Hướng cất hạ cánh của bãi cất, hạ cánh, thiết bị dẫn đường, chỉ huy bay.
4. Đánh giá đối với bề mặt giới hạn chương ngại vật hàng không.
5. Hệ thống đường giao thông nội bộ trong bãi cất, hạ cánh, tuyến đường kết nối với cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.
6. Hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thoát hiểm, phòng chống cháy nổ, cảnh báo hàng không (nếu có).
7. Phương thức cất hạ cánh cho loại máy bay sử dụng.
8. Tổng khái toán đầu tư và thời gian, tiến độ triển khai thực hiện.
9. Các bản vẽ thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh tỷ lệ 1/500.

(Kèm theo thuyết minh, bản vẽ vị trí cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh)

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

b) Mẫu Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

Mẫu số II.02

.....
BỘ TỔNG THAM MƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về
cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;*

Căn cứ;

Căn cứ;

Trên cơ sở đề nghị của.....;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh với các nội dung sau:

1. Nhu cầu sử dụng đất, khu vực mặt nước để làm cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.

2. Vị trí, tọa độ địa lý của cảng hàng không chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước, bố trí hệ thống các công trình phụ trợ của cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.

3. Hướng cất hạ cánh của bãi cất, hạ cánh, thiết bị dẫn đường, chỉ huy bay.

4. Hệ thống đường giao thông nội bộ trong bãi cất, hạ cánh, tuyến đường kết nối với cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh.

5. Hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện, thoát hiểm, phòng chống cháy nổ, cảnh báo hàng không (nếu có).

6. Phương thức cất hạ cánh cho loại máy bay sử dụng.

7. Tổng khái toán đầu tư và thời gian, tiến độ triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-
-

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

3. Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp hồ sơ đề nghị mở bãi cát, hạ cánh đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp qua Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, trường hợp có ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng hoặc có liên quan đến quy hoạch vùng, địa phương thì Cục Tác chiến báo cáo Bộ Tổng Tham mưu gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu; Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra văn bản mở bãi cát, hạ cánh. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo theo Mẫu số I.12 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;

- Các bản vẽ mặt bằng vị trí bãi cát, hạ cánh; tổng mặt bằng khu đất, công trình nhân tạo; mặt bằng chi tiết bãi cát, hạ cánh, trong đó thể hiện rõ cốt xây dựng, điểm quy chiếu, kích thước cơ bản của bãi cát, hạ cánh; vị trí bãi cát, hạ cánh trên công trình nhân tạo; hướng cát, hạ cánh cơ bản; đối với bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, bản vẽ sơ đồ ranh giới khu đất, mặt nước xây dựng.

b) Số lượng: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời gian gửi văn bản trả lời: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu.

- Thời gian quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cát, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tổng Tham mưu.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản mở bãi cát, hạ cánh.

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo theo Mẫu số I.12 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

- Văn bản mở bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số II.12 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt theo Mẫu số II.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;
- Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

*** Mẫu đơn, Mẫu văn bản mở và Mẫu trả lời TTHC:**

a) Mẫu Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo

Mẫu số I.12

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, các tòa nhà,
 công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí**

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Căn cứ Nghị định:.....

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện (chủ sở hữu):

Số căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp:, ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):

Tên bãi cát, hạ cánh đề nghị mở:.....

Loại hình bãi cát, hạ cánh:.....

Vị trí bãi cát, hạ cánh:

Vị trí công trình (nếu mở trên công trình nhân tạo).

Điểm quy chiếu bãi cát, hạ cánh (hệ tọa độ VN2000 hoặc WGS-84):.....

.....

Diện tích mặt đất (công trình nhân tạo để mở bãi cát, hạ cánh):.....

.....

Sức chịu tải của bãi cát, hạ cánh:.....

Mục đích sử dụng bãi cát, hạ cánh:.....

Thời hạn sử dụng bãi cát, hạ cánh:.....

Loại tàu bay khai thác:.....

Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:...ngày...tháng...năm...cấp....

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:...ngày...tháng...năm...cấp.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:...ngày...tháng...năm...cấp..

Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp
lệ theo quy định pháp luật)*

b) Mẫu văn bản mở bãi cất, hạ cánh

Mẫu số II.12

.....
BỘ TỔNG THAM MƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v mở/mở lại bãi cất, hạ
cánh⁽¹⁾....

..., ngày tháng năm

Kính gửi:⁽²⁾

Xét đề nghị của⁽²⁾ tại văn bản số về việc⁽³⁾
Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho⁽²⁾được mở/mở lại bãi cất, hạ cánh sử dụng cho tàu
bay⁽⁴⁾ trên phục vụ mục đích⁽⁵⁾cụ thể:

- Loại bãi cất, hạ cánh:
- Kích thước:
- Kết cấu mặt bãi cất, hạ cánh:
- Tải trọng cất, hạ cánh:
- Khu vực hoạt động:
- Thời gian sử dụng:

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cất, hạ cánh:.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển
khai thực hiện.

Nơi nhận:

-

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên bãi cất, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị mở/mở lại bãi cất, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác;
- (5) Ghi mục đích mở/mở lại bãi cất, hạ cánh.

c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

..... BỘ TỔNG THAM MUU Số:/..... V/v: ⁽²⁾.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ..., ngày tháng năm
Kính gửi:..... ⁽³⁾	
.....⁽¹⁾ nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của⁽³⁾ kèm theo hồ sơ về việc⁽²⁾; Căn cứ các quy định tại⁽⁴⁾; Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,⁽¹⁾ có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp thuận...; ⁽⁵⁾, cụ thể như sau: ⁽⁶⁾ ⁽¹⁾ thông báo đề⁽³⁾ được biết, thực hiện. Trân trọng.	

Nơi nhận:

-;

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký
điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

4. Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cát, hạ cánh sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản đến chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo theo Mẫu số I.13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tổng Tham mưu.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu;

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, Bộ Xây dựng

4.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản đóng bãi cát, hạ cánh.
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo theo Mẫu số I.13 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

- Văn bản đóng bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số II.13 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt theo Mẫu số II.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi đóng bãi cát, hạ cánh Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thông báo gửi Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;
- Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh.

*** Mẫu đơn, Mẫu văn bản mở và Mẫu trả lời TTHC:**

a) Mẫu Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo

Mẫu số I.13

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Đóng bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, các tòa nhà,
công trình nhân tạo, nhà giàn, giàn khoan dầu khí**

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện (chủ sở hữu):.....

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp:, ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):

Tên bãi cát, hạ cánh:

Vị trí bãi cát, hạ cánh:

Lý do đóng:

Thời điểm đóng:.....

Phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến bãi cát, hạ cánh:.....

.....

Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh:

Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký
điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

b) Mẫu văn bản đóng bãi cất, hạ cánh

Mẫu số II.13

.....
BỘ TỔNG THAM MƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày tháng năm

V/v đóng bãi cất,
hạ cánh⁽¹⁾

Kính gửi:⁽²⁾

Xét đề nghị của⁽²⁾ tại văn bản số về việc⁽³⁾
..... Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho⁽²⁾ được đóng bãi cất, hạ cánh sử dụng cho tàu bay⁽⁴⁾
.... trên, cụ thể:

- Loại bãi cất, hạ cánh:
- Kích thước:
- Kết cấu mặt bãi cất, hạ cánh:
- Tải trọng cất, hạ cánh:
- Khu vực hoạt động:
- Thời gian đóng:

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cất, hạ cánh:

.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

-

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
hợp lệ theo quy định pháp luật)*

Ghi chú:

- (1) Ghi tên bãi cất, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng bãi cất, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác.

c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

.....
BỘ TỔNG THAM MUU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v ⁽²⁾.....

..., ngày tháng năm

Kính gửi:..... ⁽³⁾

.....⁽¹⁾ nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của⁽³⁾
..... kèm theo hồ sơ về việc⁽²⁾

Căn cứ các quy định tại⁽⁴⁾

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....⁽¹⁾ có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp
thuận...; ⁽⁵⁾, cụ thể như sau:

..... ⁽⁶⁾

.....⁽¹⁾ thông báo đề⁽³⁾ được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

-;
-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký
điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

5. Thủ tục mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu

5.1. *Trình tự thực hiện:*

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp hồ sơ đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra văn bản mở bãi cát, hạ cánh và gửi văn bản đến chủ sở hữu tàu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

5.2. *Cách thức thực hiện:*

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

5.3. *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu theo Mẫu số I.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

- Các bản vẽ mặt cắt dọc, cắt ngang thể hiện chiều cao các hệ thống, thiết bị trên boong tàu, mặt bằng và kích thước của mặt boong, kích thước bãi cát, hạ cánh trên boong tàu và các bộ phận liền kề, tiếp giáp.

b) Số lượng: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời gian gửi văn bản trả lời: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu.

- Thời gian quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tổng Tham mưu.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, Bộ Xây dựng.

5.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản mở bãi cất, hạ cánh.

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị mở bãi cất, hạ cánh trên boong tàu theo Mẫu số I.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

- Văn bản mở bãi cất, hạ cánh theo Mẫu số II.12 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt theo Mẫu số II.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

5.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.

- Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

*** Mẫu đơn, Mẫu văn bản mở và Mẫu trả lời TTHC:**

a) Mẫu Đơn đề nghị mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu

Mẫu số I.14

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Mở bãi cát, hạ cánh trên boong tàu

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Người đại diện (chủ sở hữu):

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp:, ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):

Tên tàu:

Quốc tịch của tàu:

Tính năng kỹ thuật của tàu:

Phạm vi, khu vực hoạt động của tàu:.....

Kích thước mặt boong tàu:.....

Kích thước bãi cát, hạ cánh trên tàu:

Mục đích sử dụng bãi cát, hạ cánh:.....

Loại tàu bay khai thác:

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:...ngày...tháng...năm...cấp.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:...ngày...tháng...năm...cấp..

Các kiến nghị (nếu có):.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

b) Mẫu văn bản mở bãi cát, hạ cánh

Mẫu số II.12

.....
BỘ TỔNG THAM MƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v mở/mở lại bãi cát, hạ
cánh⁽¹⁾....

..., ngày tháng năm

Kính gửi:⁽²⁾

Xét đề nghị của⁽²⁾ tại văn bản số về việc⁽³⁾
Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho⁽²⁾được mở/mở lại bãi cát, hạ cánh sử dụng cho tàu
bay⁽⁴⁾ trên phục vụ mục đích⁽⁵⁾cụ thể:

- Loại bãi cát, hạ cánh:
- Kích thước:
- Kết cấu mặt bãi cát, hạ cánh:
- Tải trọng cát, hạ cánh:
- Khu vực hoạt động:
- Thời gian sử dụng:

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cát, hạ cánh:.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển
khai thực hiện.

Nơi nhận:

-

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên bãi cát, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị mở/mở lại bãi cát, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác;
- (5) Ghi mục đích mở/mở lại bãi cát, hạ cánh.

c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

V/v:⁽²⁾.....

....., ngày tháng năm

Kính gửi:.....⁽³⁾

.....⁽¹⁾ nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của⁽³⁾
..... kèm theo hồ sơ về việc⁽²⁾

Căn cứ các quy định tại⁽⁴⁾

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....⁽¹⁾ có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp
thuận...; ⁽⁵⁾, cụ thể như sau:

.....⁽⁶⁾

.....⁽¹⁾ thông báo đề⁽³⁾ được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

-

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký
điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;

(2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp
ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;

(3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;

(4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;

(5) Ghi tên thủ tục hành chính;

(6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp
ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

6. Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra quyết định đóng bãi cát, hạ cánh sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản đến chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu theo Mẫu số I.15 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tổng Tham mưu.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh mặt đất, mặt nước.

6.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản đóng bãi cát, hạ cánh.
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

6.8. Phí, lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu theo Mẫu số I.15 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.
- Văn bản đóng bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số II.13 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt theo Mẫu số II.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

6.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi đóng bãi cát, hạ cánh Bộ Tổng Tham mưu có văn bản thông báo gửi Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Xây dựng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.
- Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh.

*** Mẫu đơn, Mẫu văn bản đóng và Mẫu trả lời TTHC:**

a) Mẫu Đơn đề nghị đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu

Mẫu số I.15

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện (chủ sở hữu):

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp:, ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):

Tên tàu:

Quốc tịch của tàu:.....

Tên bãi cát, hạ cánh:

Lý do đóng:

Thời điểm đóng:

Các kiến nghị (nếu có):

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ
theo quy định pháp luật)*

b) Mẫu văn bản đóng bãi cất, hạ cánh

Mẫu số II.13

.....
BỘ TỔNG THAM MƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày tháng năm

V/v đóng bãi cất, hạ
cánh⁽¹⁾.....

Kính gửi:⁽²⁾

Xét đề nghị của⁽²⁾ tại văn bản số về việc⁽³⁾
..... Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho ⁽²⁾.....được đóng bãi cất, hạ cánh sử dụng cho tàu bay⁽⁴⁾
.... trên, cụ thể:

- Loại bãi cất, hạ cánh:
- Kích thước:
- Kết cấu mặt bãi cất, hạ cánh:
- Tải trọng cất, hạ cánh:
- Khu vực hoạt động:
- Thời gian đóng:

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cất, hạ cánh:

.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

-

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên bãi cất, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng bãi cất, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác.

c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

.....
BỘ TỔNG THAM MUU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày tháng năm

V/v ⁽²⁾

Kính gửi:..... ⁽³⁾

.....⁽¹⁾ nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của⁽³⁾
..... kèm theo hồ sơ về việc⁽²⁾

Căn cứ các quy định tại⁽⁴⁾

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....⁽¹⁾ có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp
thuận...; ⁽⁵⁾, cụ thể như sau:

..... ⁽⁶⁾

.....⁽¹⁾ thông báo đề⁽³⁾ được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

-;
-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện
tử hợp lệ theo quy định pháp luật)*

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;

(2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp
ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;

(3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;

(4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;

(5) Ghi tên thủ tục hành chính;

(6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp
ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

7. Thủ tục đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh

7.1. *Trình tự thực hiện:*

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp đơn đề nghị đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp, Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tổng Tham mưu ra văn bản đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh sau khi có văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng và gửi văn bản đến chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

7.2. *Cách thức thực hiện:*

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

7.3. *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số I.16 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng: 01 bộ.

7.4. *Thời hạn giải quyết:*

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7.5. *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh.

7.6. *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tổng Tham mưu.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu;

d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng.

7.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh.
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

7.8. Phí, lệ phí: Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số I.16 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;
- Văn bản đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh theo Mẫu số II.13 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP;
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt theo Mẫu số II.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

7.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.
- Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh.

*** Mẫu đơn, Mẫu văn bản đóng tạm thời và Mẫu trả lời TTHC:**

a) Mẫu Đơn đề nghị đóng tạm thời bãi cắt, hạ cánh

Mẫu số I.16

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Đóng tạm thời bãi cắt, hạ cánh

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cắt, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện (chủ sở hữu):

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):.....

Nơi cấp:, ngày cấp:.....

Địa chỉ, nơi cư trú:số điện thoại:.....

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):

Tên bãi cắt, hạ cánh:.....

Lý do đóng:.....

Thời gian đóng:.....

Phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến đề nghị đóng tạm thời bãi cắt, hạ cánh:

Các tài liệu liên quan đến đề nghị đóng tạm thời bãi cắt, hạ cánh:.....

Các kiến nghị (nếu có):

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

b) Mẫu văn bản đóng bãi cất, hạ cánh

Mẫu số II.13

.....
BỘ TỔNG THAM MƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v đóng bãi cất, hạ
cánh⁽¹⁾.....

..., ngày tháng năm

Kính gửi:⁽²⁾

Xét đề nghị của⁽²⁾ tại văn bản số về việc⁽³⁾
..... Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho ⁽²⁾.....được đóng bãi cất, hạ cánh sử dụng cho tàu bay⁽⁴⁾
.... trên, cụ thể:

- Loại bãi cất, hạ cánh:
- Kích thước:
- Kết cấu mặt bãi cất, hạ cánh:
- Tải trọng cất, hạ cánh:
- Khu vực hoạt động:
- Thời gian đóng:

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cất, hạ cánh:

.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

-

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên bãi cất, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị đóng bãi cất, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác.

c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

.....
BỘ TỔNG THAM MUU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v:⁽²⁾.....

..., ngày tháng năm

Kính gửi:.....⁽³⁾

.....⁽¹⁾ nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của⁽³⁾
..... kèm theo hồ sơ về việc⁽²⁾

Căn cứ các quy định tại⁽⁴⁾

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....⁽¹⁾ có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp
thuận...; ⁽⁵⁾, cụ thể như sau:

.....⁽⁶⁾

.....⁽¹⁾ thông báo đề⁽³⁾ được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

-

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký
điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;

(2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp
ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;

(3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;

(4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;

(5) Ghi tên thủ tục hành chính;

(6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp
ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

8. Thủ tục mở lại bãi cát, hạ cánh

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ sở hữu bãi cát, hạ cánh nộp hồ sơ đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu bằng hình thức trực tiếp, Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, báo cáo Bộ Tổng Tham mưu gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở bãi cát, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi Bộ Tổng Tham mưu.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tổng Tham mưu ra văn bản mở lại bãi cát, hạ cánh. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

8.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

Đơn đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh theo Mẫu I.17 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;
- Thời gian gửi văn bản trả lời: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu.
- Thời gian quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng cảng hàng không chuyên dùng và bãi cất, hạ cánh: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tổng Tham mưu.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.
- d) Cơ quan phối hợp: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không.

8.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản mở bãi cất, hạ cánh.
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt.

8.8. Phí, lệ phí: Không.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị mở lại bãi cất, hạ cánh theo Mẫu I.17 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.
- Văn bản mở bãi cất, hạ cánh theo Mẫu II.12 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.
- Văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do trong trường hợp không phê duyệt theo Mẫu II.14 quy định tại Phụ lục ban hành theo Nghị định số 205/2026/NĐ-CP.

8.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.
- Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

*** Mẫu đơn, Mẫu văn bản mở bãi và Mẫu trả lời TTHC:**

a) Mẫu Đơn đề nghị mở lại bãi cát, hạ cánh

Mẫu số I.17

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Mở lại bãi cát, hạ cánh

Kính gửi: Bộ Tổng Tham mưu/Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Nghị định số 205/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện (chủ sở hữu):

Số Căn cước công dân/Số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):

Nơi cấp:, ngày cấp:

Địa chỉ, nơi cư trú: số điện thoại:

Địa chỉ thư điện tử (email của tổ chức, cá nhân):

Tên bãi cát, hạ cánh:

Vị trí bãi cát, hạ cánh:

Số quyết định đóng tạm thời:

Lý do đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh:

Kết quả thực hiện phương án khắc phục, xử lý các vấn đề liên quan đến việc đóng tạm thời bãi cát, hạ cánh:

Lý do mở lại:

Quy mô bãi cát, hạ cánh sau khi mở lại:

- Diện tích mặt đất (mặt nước):

- Cấp bãi cát, hạ cánh:

- Kích thước đường cát, hạ cánh:

- Sức chịu tải của đường cát, hạ cánh:

Mục đích sử dụng bãi cát, hạ cánh:

Loại tàu bay khai thác:

Các thông tin khác:

Các kiến nghị (nếu có):

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

b) Mẫu văn bản mở bãi cất, hạ cánh

Mẫu số II.12

.....
BỘ TỔNG THAM MƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày tháng năm

V/v mở/mở lại bãi cất, hạ
cánh⁽¹⁾....

Kính gửi:⁽²⁾

Xét đề nghị của⁽²⁾ tại văn bản số về việc⁽³⁾
Bộ Tổng Tham mưu có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho⁽²⁾được mở/mở lại bãi cất, hạ cánh sử dụng cho tàu
bay⁽⁴⁾ trên phục vụ mục đích⁽⁵⁾cụ thể:

- Loại bãi cất, hạ cánh:
- Kích thước:
- Kết cấu mặt bãi cất, hạ cánh:
- Tải trọng cất, hạ cánh:
- Khu vực hoạt động:
- Thời gian sử dụng:

2. Yêu cầu đối với người khai thác bãi cất, hạ cánh:.....

Bộ Tổng Tham mưu thông báo để các cơ quan có liên quan biết để triển
khai thực hiện.

Nơi nhận:

-

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
hợp lệ theo quy định pháp luật)*

Ghi chú:

- (1) Ghi tên bãi cất, hạ cánh;
- (2) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị mở/mở lại bãi cất, hạ cánh;
- (3) Ghi nội dung đề nghị;
- (4) Ghi loại tàu bay khai thác;
- (5) Ghi mục đích mở/mở lại bãi cất, hạ cánh.

c) Mẫu văn bản trả lời

Mẫu số II.14

.....
BỘ TỔNG THAM MUU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
 V/v ⁽²⁾.....

..., ngày tháng năm

Kính gửi:..... ⁽³⁾

.....⁽¹⁾ nhận được văn bản số.....ngày...../...../..... của⁽³⁾
 kèm theo hồ sơ về việc⁽²⁾

Căn cứ các quy định tại⁽⁴⁾

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ,

.....⁽¹⁾ có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/phê duyệt/chấp
 thuận...; ⁽⁵⁾, cụ thể như sau:

..... ⁽⁶⁾

.....⁽¹⁾ thông báo đề⁽³⁾ được biết, thực hiện.

Trân trọng.

Nơi nhận:

-;
 -

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký
 điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên cơ quan giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Ghi trích yếu nội dung trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...;
- (3) Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị thủ tục hành chính;
- (4) Ghi căn cứ pháp lý từ chối thủ tục hành chính;
- (5) Ghi tên thủ tục hành chính;
- (6) Ghi rõ nội dung, lý do trả kết quả khi thủ tục hành chính không đáp ứng điều kiện cấp phép/cấp chứng nhận/phê duyệt/chấp thuận...

9. Thủ tục chấp thuận độ cao công trình

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:

Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình lập 01 bộ hồ sơ theo quy định, gửi đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.

b) Giải quyết thủ tục hành chính:

- 10 ngày làm việc, đối với các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu nhà ở cao tầng, khu hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, hệ thống cột treo đèn chiếu sáng ở khu vực tĩnh không đầu các sân bay và các công trình quy định tại Điều 82 của Nghị định 222/2026/NĐ-CP.

- 15 ngày làm việc đối với các dự án xây dựng khu kinh tế, khu đặc thù, khu công nghệ cao.

- 20 ngày làm việc đối với các dự án cáp treo, đường dây tải điện cao thế có chiều dài dưới 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng từ 10 đến 50 trạm.

- 30 ngày đối với các dự án đường dây tải điện cao thế có chiều dài trên 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng trên 50 trạm.

* Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận độ cao công trình bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

* Trường hợp không chấp thuận độ cao công trình, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản điện tử trả lời, nêu rõ lý do.

* Trường hợp công trình có khả năng vượt quá giới hạn bề mặt chướng ngại vật hàng không đã được công bố hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến các thiết bị bảo đảm hoạt động bay; Cục Tác chiến có văn bản lấy ý kiến của Cục Hàng không Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Cục Hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá ảnh hưởng của độ cao công trình và thông báo bằng văn bản cho Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu trong thời hạn sau đây:

- 08 ngày làm việc, đối với các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu nhà ở cao tầng, khu hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, hệ thống cột treo đèn chiếu sáng ở khu vực tĩnh không đầu các sân bay và các công trình quy định tại Điều 82 Nghị định 222/2026/NĐ-CP.

- 12 ngày làm việc đối với các dự án xây dựng khu kinh tế, khu đặc thù, khu công nghệ cao.

- 15 ngày làm việc đối với các dự án cáp treo, đường dây tải điện cao thế có chiều dài dưới 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng từ 10 đến 50 trạm.

- 25 ngày làm việc đối với các dự án đường dây tải điện cao thế có chiều dài trên 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng trên 50 trạm.

- Kể từ ngày nhận được văn bản đóng góp ý kiến, Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận độ cao công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 86 Nghị định số 222/2026/NĐ-CP.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

9.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Quốc phòng hoặc trực tiếp đến Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam; Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Số 7 đường Nguyễn Tri Phương, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội; số điện thoại liên hệ: 069.531.368.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận độ cao công trình thực hiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 222/2026/NĐ-CP.

- Bản sao hoặc bản điện tử bản đồ hoặc sơ đồ không gian, vị trí khu vực xây dựng công trình có đánh dấu vị trí xây dựng công trình.

- Bản sao hoặc bản điện tử một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc, đối với các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu nhà ở cao tầng, khu hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, hệ thống cột treo đèn chiếu sáng ở khu vực tĩnh không đầu các sân bay và các công trình quy định tại Điều 82 của Nghị định số 222/2026/NĐ-CP.

- 15 ngày làm việc đối với các dự án xây dựng khu kinh tế, khu đặc thù, khu công nghệ cao.

- 20 ngày làm việc đối với các dự án cáp treo, đường dây tải điện cao thế có chiều dài dưới 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng từ 10 đến 50 trạm.

- 30 ngày đối với các dự án đường dây tải điện cao thế có chiều dài trên 100 km, hệ thống các trạm thu, phát sóng vô tuyến số lượng trên 50 trạm.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận độ cao công trình. Kết quả được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy.

Kết quả giải quyết thủ tục chấp thuận độ cao công trình đồng thời được sao gửi đến cơ quan cấp phép xây dựng địa phương, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, Cảng vụ hàng không khu vực và các cơ quan, đơn vị liên quan

9.8. Phí, lệ phí: Không.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị chấp thuận độ cao công trình theo Mẫu số 1, 2 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 222/2026/NĐ-CP.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Vật thể phải được đánh giá và chấp thuận về độ cao trước khi xây dựng, lắp đặt bao gồm:

1. Vật thể nằm trong phạm vi bề mặt chướng ngại vật hàng không, khu vực, dự án quy hoạch đô thị, không gian đã được các bộ, ngành, địa phương thống nhất với cơ quan chức năng thuộc Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam về độ cao, mức cao theo quy định.

2. Các vật thể nằm ngoài khu vực nêu tại khoản 1 Điều này và nằm trong khu vực 2a và cao hơn mức cao đường cất hạ cánh gần nhất từ 3 mét trở lên. Khu vực 2a được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 222/2025/NĐ-CP.

3. Các vật thể nằm ngoài khu vực nêu tại khoản 1 Điều này và có chiều cao từ 100 mét trở lên so với mặt đất hoặc mặt nước.

4. Hệ thống cột treo đèn chiếu sáng ở khu vực tĩnh không đầu các sân

bay; tuyến đường dây tải điện cao thế, cáp treo, các trạm thu, phát sóng vô tuyến và các công trình điện gió; công trình nằm trong phạm vi ảnh hưởng và tiếp giáp với các khu vực bố trí các đài, trạm vô tuyến điện hàng không. Chi tiết quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 222/2026/NĐ-CP.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.
- Nghị định số 222/2026/NĐ-CP ngày 22/6/2026 của Chính phủ về hoạt động bay.

*** Mẫu đơn và mẫu kết quả TTHC:**

a) Mẫu Đơn đề nghị

Mẫu số: 01 (đối với tổ chức)**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

V/v tên, tính chất công trình
đề nghị chấp thuận độ cao

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Chấp thuận chiều cao công trình**

Kính gửi: Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu.

1. Tên cơ quan, đơn vị đề nghị chấp thuận chiều cao công trình:

2. Địa chỉ cơ quan: (số điện thoại, fax nếu có)

3. Tên, tính chất, quy mô công trình:

(Đối với các trạm thu, phát sóng vô tuyến phải nêu rõ dải tần số, công suất; đối với đường điện cao thế phải nêu rõ điện thế, hướng tuyến, độ cao các cột, tọa độ, cốt đất tự nhiên vị trí các cột và độ võng của đường dây; đối với cáp treo phải nêu rõ hướng tuyến, độ cao các cột đỡ, tọa độ, cốt đất tự nhiên vị trí các cột và độ võng của đường cáp; đối với ống khói nhà máy phải nêu rõ độ cao xây dựng và độ cao cột khói khi hoạt động).

4. Vị trí công trình:

(Địa chỉ hành chính, ranh giới khu đất, tọa độ địa lý theo hệ tọa độ WGS-84 (theo định dạng độ, phút, giây), cốt đất tự nhiên so với mực nước biển trung bình).

5. Chiều cao dự kiến xây dựng công trình so với cốt đất tự nhiên:

6. Mức cao cốt đất tự nhiên khu vực xây dựng công trình so với mực nước biển trung bình:

7. Thời gian xây dựng công trình:

Văn bản gửi kèm:

Đề nghị Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu xem xét, giải quyết theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Mẫu số: 02 (đối với cá nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấp thuận độ cao công trình

Kính gửi: Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu.

Tên cá nhân đề nghị chấp thuận chiều cao công trình:

Số Căn cước công dân/số định danh cá nhân (hoặc hộ chiếu):

Địa chỉ, nơi cư trú: số điện thoại:

Địa chỉ thư điện tử (email):

Tên, tính chất, quy mô công trình:

Vị trí công trình:

(Địa chỉ hành chính, ranh giới khu đất, tọa độ địa lý theo hệ tọa độ WGS-84 (theo định dạng độ, phút, giây).

Chiều cao dự kiến xây dựng công trình so với cốt đất tự nhiên: ...

Mức cao cốt đất tự nhiên khu vực xây dựng công trình so với mực nước biển trung bình:

Thời gian dự kiến xây dựng công trình:

(Văn bản gửi kèm:)

Đề nghị Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu xem xét, giải quyết theo quy định.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
 hợp lệ theo quy định pháp luật)*

b) Mẫu kết quả:
BỘ TỔNG THAM MUỖ
CỤC TÁC CHIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TC-QC
 V/v chấp thuận độ cao tĩnh
 không xây dựng công trình

....., ngày.....tháng năm

Kính gửi:(1).....
 (Địa chỉ:)

Xem xét Đơn đề nghị của(1)..... ngày/...../.....,
 kèm theo hồ sơ; về việc chấp thuận độ cao tĩnh không xây dựng công trình:
(2)....., tại phường/xã(3)....., tỉnh/thành phố

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số:về hoạt động bay; sau khi
 nghiên cứu hồ sơ; Cục Tác chiến có ý kiến như sau:

1. Về mặt quản lý vùng trời, quản lý bay và quản lý chướng ngại vật hàng
 không: Đồng ý chấp thuận độ cao tĩnh không xây dựng công trình
(2)..... tại địa chỉ(3)....., độ cao tối đa
(bằng chữ.....) mét, tính từ cốt đất tự nhiên khu vực xây
 dựng(bằng chữ.....) mét so với mực nước biển trung bình;
 tọa độ địa lý (theo hệ tọa độ WGS-84 “độ, phút, giây” và hệ tọa độ VN-2000
 (nếu có)).

2. Yêu cầu(1)..... chịu trách nhiệm làm việc với Bộ chỉ huy
 quân sự tỉnh/thành phố, cơ quan, đơn vị và chính quyền địa
 phương(3).....; Để bảo đảm an toàn cho các hoạt động bay, chủ đầu tư
 (nhà thầu) chịu trách nhiệm xin cấp phép xây dựng công trình; lắp đặt
 và duy trì hoạt động của hệ thống cảnh báo hàng không

3. Bộ Tư lệnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh/thành phố chủ trì, phối hợp
 kiểm tra, giám sát việc xây dựng và việc lắp đặt, duy trì hoạt động của hệ thống
 cảnh báo hàng không./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan, đơn vị trên một cấp để báo cáo (nếu có);
- Quân chủng PK-KQ;
- BTL, Bộ CHQS tỉnh (tp).....;
- Cục HKVN;
- Cảng vụ HK khu vực;
- Lưu: VT

CỤC TRƯỞNG hoặc
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử
 hợp lệ theo quy định pháp luật)

Cấp bậc Họ và tên

Hướng dẫn

- (1) Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận độ cao công trình.
- (2) Tên, tính chất công trình đề nghị chấp thuận.
- (3) Địa chỉ hành chính vị trí công trình.